

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SY
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 18/7/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SY, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Ninh.

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện SY, tỉnh Q tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện SY mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **LTHM**, sinh năm 1995.

* *Bị đơn:* Anh **NCH**, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn QT, xã PN, huyện SY, tỉnh Q.

(Chị M có mặt; anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị LTHM trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh NCH đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện SY, tỉnh Q, việc đăng ký trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng gia đình nhà anh H một thời gian sau đó làm nhà ra ở riêng tại thôn QT, xã PN, huyện SY. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường, đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng

nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện SY giải quyết cho chị được ly hôn với anh NCH.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu LTHT, sinh ngày 25/11/2013 và cháu NCT, sinh ngày 13/02/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu trực được tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Th và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định chị và anh H không có nợ chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị M có đơn từ chối hòa giải nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên toà, chị LTHM giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện SY phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTHM, xử cho chị LTHM được ly hôn với anh NCH. Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là cháu LTHT, sinh ngày 25/11/2013 và cháu NCT, sinh ngày 13/02/2016. Giao cháu LTHT, sinh ngày 25/11/2013 và cháu NCT, sinh ngày 13/02/2016 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị M và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định bị đơn anh NCH hiện đang cư trú, sinh sống tại thôn QT, xã PN, huyện SY. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện SY, tỉnh Q.

[3] Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị LTHM, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh NCH: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã PN, huyện SY, tỉnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn QT, xã PN, huyện SY, tỉnh Q. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được, nhưng hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M xác định do bất đồng quan điểm sống, lối sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh H có mặt tại địa phương, nhưng từ chối làm việc và nhận tất cả các tài liệu của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản thông qua trưởng thôn nhưng anh H vẫn cố tình không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị M, không yêu cầu Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh H cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị M và anh H tuy vẫn sống chung cùng một mái nhà, nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh H cũng được chính quyền địa phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị M là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh H có 02 con chung, là cháu LHTT, sinh ngày 25/11/2013 và cháu NCT, sinh ngày 13/02/2016. Trong đơn khởi kiện, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, sau đó chị M có đơn khởi kiện bổ sung là yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Tr và cháu Th. Bản thân chị M có sức khỏe, có chỗ ở và thu nhập ổn định từ 6 triệu đến 7 triệu đồng/1 tháng. Cháu Tr và cháu Th đều trên 7 tuổi, các cháu đều có nguyện vọng ở cùng mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến gì về con chung. Quá trình xác minh tại địa phương thấy rằng về kinh tế, chỗ ở và các điều kiện khác thì chị M và anh H như nhau, nhưng xét về thời gian trực tiếp quan tâm, chăm sóc, giáo dục các cháu thì chị M đảm bảo hơn anh H. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của chị M là có căn cứ cần được chấp nhận. Do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên

anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H không phải chịu án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị LTHM được ly hôn anh NCH.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu LTHT, sinh ngày 25/11/2013 và cháu NCT, sinh ngày 13/02/2016 cho chị LTHM trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh NCH không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị LTHM phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006280, ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện SY, tỉnh Q. Anh NCH không phải chịu án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Chị LTHM được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2023). Anh NCH được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện SY;
- Chi cục THADS huyện SY;
- UBND xã PN (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh Lộc Thị Kim Thơm

Phạm Thị Quỳnh

Trần Ngọc An

